



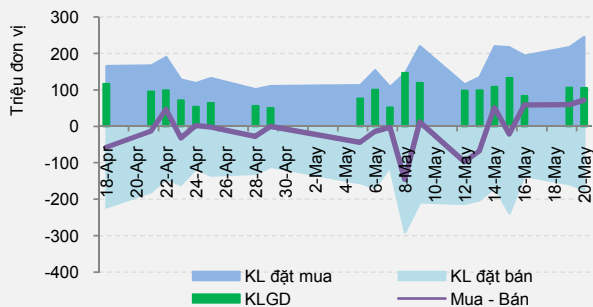
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 20/5/2014

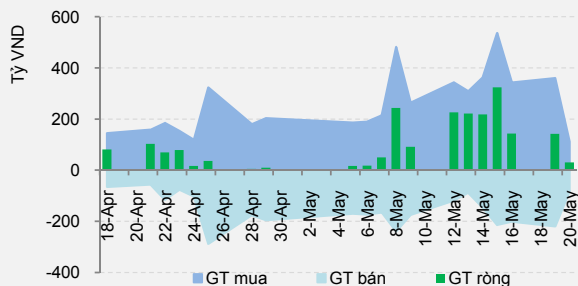
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	537.5	73.7
% Thay đổi	↑ 0.8%	↑ 1.5%
KLGD (CP)	105,111,597	74,470,167
GTGD (tỷ đồng)	1,330.30	596.91
Tổng cung (CP)	173,622,620	95,175,000
Tổng cầu (CP)	245,090,080	122,966,700

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	3,118,620	344,400
KL mua (CP)	4,749,060	2,376,800
GTmua (tỷ đồng)	111.53	35.62
GT bán (tỷ đồng)	80.93	2.54
GT ròng (tỷ đồng)	30.60	33.08

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.78%	8.3	1.7	3.2%
Công nghiệp	↑ 1.30%	30.0	1.1	20.4%
Dầu khí	↑ 0.47%	6.8	1.8	3.1%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.59%	18.0	1.9	2.3%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.16%	11.6	2.9	0.7%
Hàng Tiêu dùng	↑ 0.55%	13.2	4.2	9.2%
Ngân hàng	↑ 0.36%	8.7	1.2	4.3%
Nguyên vật liệu	↑ 0.13%	12.1	2.2	9.3%
Tài chính	↑ 0.69%	11.3	2.2	43.6%
Tiền ích Cộng đồng	↑ 2.55%	13.4	4.2	3.9%
VN - Index	↑ 0.84%	13.1	2.8	69.0%
HNX - Index	↑ 1.50%	18.1	1.5	31.0%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE				
	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	802,710	0.8%	4,124,200	3.9%
GTGD (tỷ VND)	10,078	0.7%	66,791	4.4%

TIẾP PHIÊN PHỤC HỒI KỸ THUẬT - TÂM ĐIỂM CỔ PHIẾU CHỨNG KHOÁN, BĐS ĐÃ GIẢM SÂU

Nhận định: Thị trường dao động giằng co nửa đầu phiên, tăng điểm dần trong phiên giao dịch chiều. Khối lượng bán chốt lời giá cao trong phiên khá lớn, khi thị trường đã có 1 tuần tăng điểm từ ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật. Điểm tích cực là dòng tiền tham gia thị trường vẫn chủ động và ổn định. Lực cầu vẫn tập trung vào nhóm cổ phiếu BĐS, chứng khoán đã giảm điểm sâu trong giai đoạn điều chỉnh trước đó.

Chỉ số VN-Index vẫn đang trong xu hướng phục hồi kỹ thuật, phản ứng với ngưỡng hỗ trợ mạnh khoảng +/-500 điểm. Chỉ số HNX-Index cũng đang tăng điểm kỹ thuật, phản ứng với ngưỡng hỗ trợ của đường MA200 ngày. Diễn biến phục hồi với thanh khoản tăng khá cho tín hiệu tích cực về dòng tiền tham gia thị trường. Xu hướng tăng điểm kỹ thuật dự kiến tiếp tục diễn ra với ngưỡng cản quan trọng của VN-Index khoảng 540-550 điểm, của HNX-Index khoảng 74-75 điểm. Áp lực chốt lời dự báo tiếp tục tăng mạnh trong phiên giao dịch tới, khi hai chỉ số Index đã tiến gần ngưỡng cản kỹ thuật.

Với thực tế vấn đề Biển Đông chưa được giải quyết, dự kiến tâm lý đầu tư ngắn hạn vẫn phổ biến, đặc biệt khi phần lớn nhà đầu tư bắt đáy đều có lãi tốt trong vài phiên vừa qua. Chúng tôi duy trì quan điểm nhà đầu tư ngắn hạn duy trì trạng thái, chưa tham gia thị trường trong thời điểm hiện tại. Nhà đầu tư ngắn hạn đã mạo hiểm bắt đáy xem xét chốt lời, giữ tỷ trọng cổ phiếu/tiền mặt ở mức an toàn.

- Chỉ số VN-Index tăng 4.48 điểm (0.84%), lên 537.52 điểm, phiên tăng điểm thứ ba liên tiếp. Mức thấp nhất trong phiên là 527.69 điểm.

- Chỉ số HNX-Index tăng 1.09 điểm (1.50%), lên 73.73 điểm, phiên tăng điểm thứ tư liên tiếp. Mức thấp nhất trong phiên là 71.96 điểm.

- Hôm nay, 20/5, Quốc hội khai mạc kỳ họp thứ 7 khóa XIII. Mở đầu kỳ họp, Quốc hội nghe Chính phủ báo cáo về tình hình kinh tế xã hội những tháng đầu năm. Theo đó, Chính phủ đánh giá tình hình kinh tế vĩ mô ổn định hơn, các cân đối lớn của nền kinh tế cơ bản được bảo đảm. Giá tiêu dùng tháng 4 so với tháng 12/2013 tăng 0,88%, thấp nhất trong 4 năm qua. Về thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế, tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý I/2014 tăng 4,96%, cao hơn cùng kỳ 2 năm trước. Cả 3 khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, công nghiệp và xây dựng, dịch vụ đều có tốc độ tăng trưởng cao hơn cùng kỳ năm trước. Trong 4 tháng doanh nghiệp đăng ký thành lập mới tăng 8,1% về số doanh nghiệp và 16,2% về vốn; đã có hơn 5,8 nghìn doanh nghiệp trở lại hoạt động.

- Trong buổi chiều, Chính phủ sẽ báo cáo Quốc hội về tình hình biển Đông, việc Trung Quốc hạ đặt trái phép giàn khoan Hải Dương 981. Dù đánh giá tác động của căng thẳng Biển Đông đến nền kinh tế, Chính phủ không đề nghị Quốc hội điều chỉnh kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2014.



VN-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Giảm	Giảm	Giảm

Ghi chú:
 Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- Chỉ số VN-Index tăng 4.48 điểm (0.84%), lên 537.52 điểm, ghi nhận phiên tăng điểm thứ ba liên tiếp. Mức thấp nhất trong phiên là 527.69 điểm.

- KLGD tăng 8% so với phiên giao dịch trước, lên 102 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI14 tăng lên gần mức 43 điểm, tâm lý nhà đầu tư tích cực hơn. MACD 9 ngày thu hẹp khoảng cách phía dưới đường tín hiệu.

Nhận định: Thị trường dao động giằng co nửa đầu phiên, tăng điểm dần trong phiên giao dịch chiều. Khối lượng bán chốt lời giá cao trong phiên khá lớn, khi VN-Index đã có 1 tuần tăng điểm từ ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật. Điểm tích cực là dòng tiền tham gia thị trường vẫn chủ động và ổn định. Lực cầu vẫn tập trung vào nhóm cổ phiếu BDS, chứng khoán đã giảm điểm sâu trong giai đoạn điều chỉnh trước đó.

Chỉ số VN-Index vẫn đang trong xu hướng phục hồi kỹ thuật, phản ứng với ngưỡng hỗ trợ mạnh khoảng +/-500 điểm. Diễn biến phục hồi với thanh khoản tăng khá cho tín hiệu tích cực về dòng tiền tham gia thị trường. Xu hướng tăng điểm kỹ thuật dự kiến tiếp tục diễn ra với ngưỡng cản quan trọng khoảng 540-550 điểm. Áp lực chốt lời dự báo tiếp tục tăng mạnh trong phiên giao dịch ngày mai, khi VN-Index đã tiến gần ngưỡng cản kỹ thuật.

Với thực tế vấn đề Biển Đông chưa được giải quyết, dự kiến tâm lý đầu tư ngắn hạn vẫn phổ biến, đặc biệt khi phần lớn nhà đầu tư bắt đáy đều có lãi tốt trong vài phiên vừa qua. Chúng tôi duy trì quan điểm nhà đầu tư ngắn hạn duy trì trạng thái, chưa tham gia thị trường trong thời điểm hiện tại. Nhà đầu tư ngắn hạn đã mạo hiểm bắt đáy xem xét chốt lời, giữ tỷ trọng cổ phiếu/tiền mặt ở mức an toàn.

HNX-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Giảm	Giảm	Giảm

Ghi chú:
 Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- Chỉ số HNX-Index tăng 1.09 điểm (1.50%), lên 73.73 điểm, ghi nhận phiên tăng điểm thứ tư liên tiếp. Mức thấp nhất trong phiên là 71.96 điểm.

- KLGD tăng 30% so với phiên trước, lên 74 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI14 tăng lên mức 40 điểm, tâm lý nhà đầu tư tích cực hơn. MACD 9 ngày đã tiến sát phía dưới đường tín hiệu.

Nhận định: Thị trường dao động giằng co nửa đầu phiên, tăng điểm dần trong phiên giao dịch chiều. Khối lượng bán chốt lời giá cao trong phiên khá lớn, khi HNX-Index đã có 1 tuần tăng điểm từ ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật. Điểm tích cực là dòng tiền tham gia thị trường vẫn chủ động và ổn định. Lực cầu vẫn tập trung vào nhóm cổ phiếu BDS, chứng khoán đã giảm điểm sâu trong giai đoạn điều chỉnh trước đó.

Chỉ số HNX-Index vẫn đang trong xu hướng phục hồi kỹ thuật, phản ứng với ngưỡng hỗ trợ của đường MA200 ngày. Diễn biến phục hồi với thanh khoản tăng khá cho tín hiệu tích cực về dòng tiền tham gia thị trường. Xu hướng tăng điểm kỹ thuật dự kiến tiếp tục diễn ra với ngưỡng cản quan trọng khoảng +/-74 điểm. Áp lực chốt lời dự báo tiếp tục tăng mạnh trong phiên giao dịch ngày mai, khi HNX-Index đã tiến gần ngưỡng cản kỹ thuật.

Với thực tế vấn đề Biển Đông chưa được giải quyết, dự kiến tâm lý đầu tư ngắn hạn vẫn phổ biến, đặc biệt khi phần lớn nhà đầu tư bắt đáy đều có lãi khá tốt trong vài phiên vừa qua. Chúng tôi duy trì quan điểm nhà đầu tư ngắn hạn duy trì trạng thái, chưa tham gia thị trường trong thời điểm hiện tại. Nhà đầu tư ngắn hạn đã mạo hiểm bắt đáy xem xét chốt lời, giữ tỷ trọng cổ phiếu/tiền mặt ở mức an toàn.

TOP CỔ PHIẾU LỢI NHUẬN TUYỆT ĐỐI Q1.2014 CAO NHẤT

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q1	% so Q1.2013	LNST Q1 (tỷ)	% so Q1.2013	EPS (đ)	BVPS (đ)	P/E	P/B	ROE (%)	Tỷ lệ SHNN (%)
1	VNM	HOSE	7,678.2	15.0%	1387.38	-9.4%	7,667	22,553	15.65	5.32	36.38	49.00
2	HPG	HOSE	6,515.5	65.6%	870.36	90.5%	4,913	21,393	9.53	2.19	24.96	44.81
3	PVD	HOSE	4,322.5	36.0%	596.96	41.8%	7,789	37,609	10.40	2.15	21.69	40.03
4	DPM	HOSE	2,502.4	-13.2%	381.31	-45.9%	4,984	22,998	6.68	1.45	20.05	24.03
5	FPT	HOSE	10,867.3	26.2%	361.52	0.9%	4,687	22,024	8.85	1.88	22.47	49.00
6	PVS	HNX	5,713.1	19.2%	266.33	1.5%	3,403	19,100	7.08	1.26	19.28	24.37
7	REE	HOSE	551.8	7.6%	231.73	110.5%	4,368	18,768	5.01	1.17	22.77	48.76
8	PPC	HOSE	2,165.8	21.8%	221.44	-76.5%	2,857	17,657	6.97	1.13	17.03	12.67
9	LAS	HNX	1,825.2	-2.5%	150.32	1.1%	5,767	18,602	6.73	2.09	33.45	12.73
10	HCM	HOSE	226.5	50.8%	120.32	91.4%	2,688	18,443	9.30	1.36	15.36	49.00

TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN Q1.2014 SO CÙNG KỲ

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q1	% so Q1.2013	LNST Q1 (tỷ)	% so Q1.2013	EPS (đ)	BVPS (đ)	P/E	P/B	ROE (%)	Tỷ lệ SHNN (%)
1	PPI	HOSE	20.5	-8.2%	4.98	6125.0%	238	19,312	34.38	0.42	1.26	0.53
2	FLC	HOSE	360.3	69.7%	34.95	2630.5%	1,503	11,847	5.26	0.67	9.39	1.69
3	LAF	HOSE	94.3	-3.0%	1.59	1490.0%	2,412	7,924	3.40	1.03	33.22	11.15
4	TDH	HOSE	78.7	-6.9%	9.32	1094.9%	980	36,000	14.69	0.40	2.79	41.53
5	POT	HNX	80.1	105.8%	0.83	937.5%	476	15,406	24.59	0.76	3.14	0.81
6	SCR	HNX	331.9	64.9%	13.97	905.0%	53	15,055	132.05	0.46	0.35	0.53
7	SHS	HNX	72.6	149.1%	72.4	732.2%	754	8,594	8.75	0.77	9.38	4.54
8	ITQ	HNX	119.8	79.5%	3.35	532.1%	547	10,919	17.90	0.90	5.15	0.01
9	DCS	HNX	21.9	19.8%	1.25	525.0%	128	10,271	32.89	0.41	1.19	0.15
10	VIG	HNX	6.1	93.3%	2.42	450.0%	248	6,630	14.89	0.56	3.83	12.89

TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG DOANH THU Q1.2014 SO CÙNG KỲ

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q1	% so Q1.2013	LNST Q1 (tỷ)	% so Q1.2013	EPS (đ)	BVPS (đ)	P/E	P/B	ROE (%)	Tỷ lệ SHNN (%)
1	ICG	HNX	37.8	9122.0%	3.52	314.6%	376	12,542	17.83	0.53	3.07	16.36
2	PXL	HOSE	2.3	3766.7%	0.04	-33.3%	(105)	10,183	(29.52)	0.30	(1.04)	0.08
3	PFL	HNX	7.6	3695.0%	-1.83	-18.1%	(1,895)	8,019	(1.37)	0.32	(21.13)	0.13
4	BGM	HOSE	4.0	3554.5%	0.02	103.5%	34	10,193	108.06	0.36	0.33	0.22
5	KHL	HNX	4.5	3114.3%	0.56	251.4%	179	9,981	15.05	0.27	1.77	2.16
6	SHN	HNX	1.0	257.1%	-1.44	46.7%	91	3,008	31.97	0.96	4.74	0.15
7	KLS	HNX	113.2	228.4%	91.63	79.7%	948	14,075	9.49	0.64	7.13	6.07
8	PV2	HNX	0.3	222.2%	-1.38	27.7%	(3,596)	6,647	(0.70)	0.38	(45.13)	0.05
9	PXS	HOSE	357.2	188.6%	20.8	310.3%	2,090	12,854	7.65	1.24	16.06	11.30
10	SBA	HOSE	46.2	174.1%	8.43	286.7%	1,300	11,431	7.00	0.80	11.93	0.16

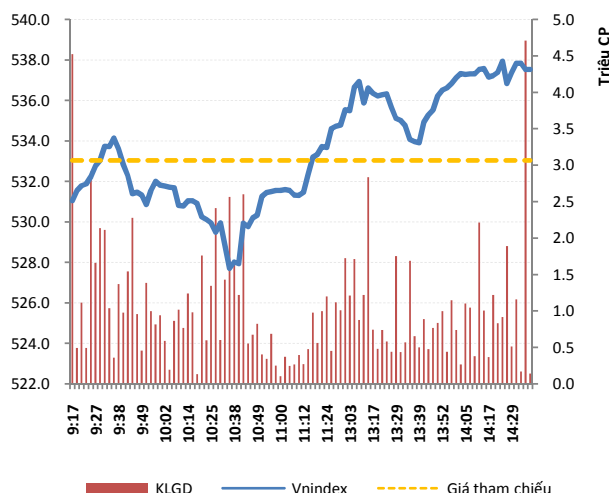
Ghi chú: Chỉ liệt kê các cổ phiếu có KLGD bình quân 30 phiên gần nhất > 50.000 cổ phiếu.

Các chỉ số EPS, ROE tính theo 4 quý gần nhất. Tỷ lệ SHNN tính đến ngày 14/05/2014

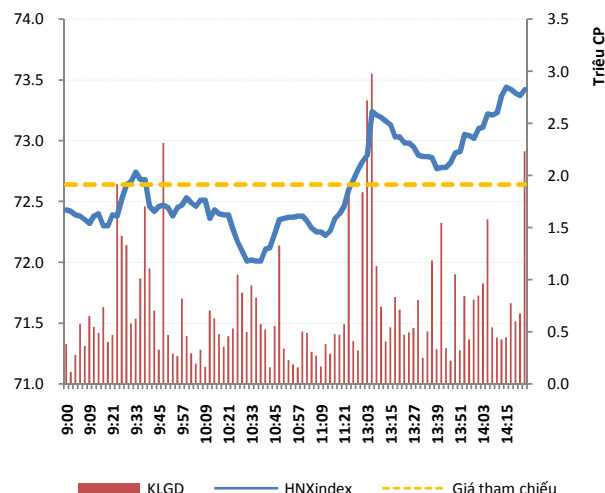


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

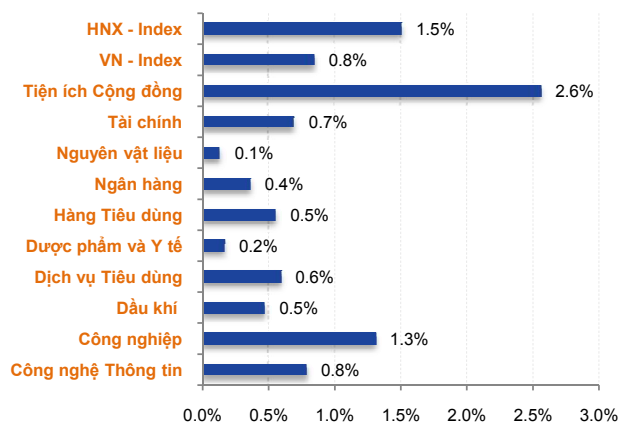
KLGD và VN-Index trong phiên



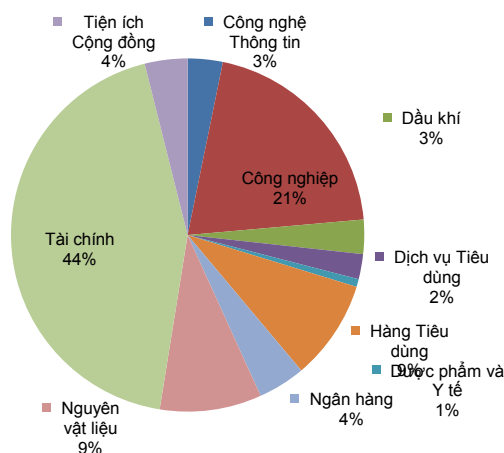
KLGD và HNX-Index trong phiên



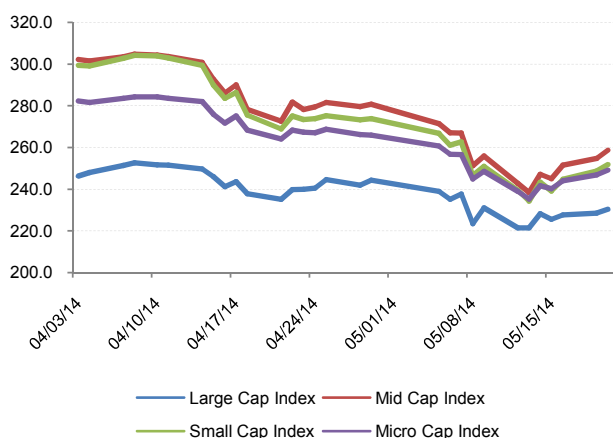
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



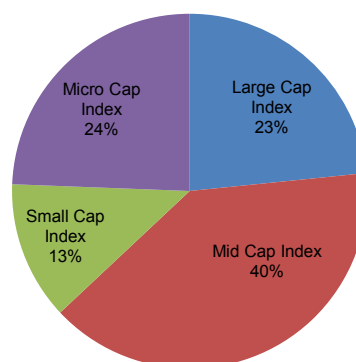
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	OGC	361,220	TLH	178,000
2	DXG	206,980	HAI	170,760
3	PVT	201,670	DPM	165,380
4	SVC	200,000	HVG	150,990
5	STB	186,060	HSG	106,050

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VND	669,300	VCR	35,000
2	KLS	644,000	GGG	31,700
3	PVS	607,400	EBS	31,400
4	HUT	78,000	SDH	20,000
5	SHB	64,900	VDL	19,400

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
FLC	8.9	9.5	↑ 6.74%	13,333,840
HQC	6.3	6.7	↑ 6.35%	7,067,710
ITA	8.0	8.1	↑ 1.25%	5,606,040
VHG	6.6	7.0	↑ 6.06%	3,590,190
HAG	24.5	24.7	↑ 0.82%	3,566,860

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
PVX	4.2	4.6	↑ 9.52%	14,411,100
SCR	7.7	8.1	↑ 5.19%	9,215,800
KLS	9.9	10.2	↑ 3.03%	6,535,600
SHB	8.6	8.8	↑ 2.33%	4,287,100
SHS	7.6	7.9	↑ 3.95%	4,081,600

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CCL	4.3	4.6	0.3	↑ 6.98%
DIC	7.2	7.7	0.5	↑ 6.94%
IDI	10.2	10.9	0.7	↑ 6.86%
AVF	4.4	4.7	0.3	↑ 6.82%
LCM	5.9	6.3	0.4	↑ 6.78%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SGH	48.5	97.0	48.5	↑ 100.00%
NVC	0.6	0.7	0.1	↑ 16.67%
BHC	1.0	1.1	0.1	↑ 10.00%
DCS	5.0	5.5	0.5	↑ 10.00%
V15	2.0	2.2	0.2	↑ 10.00%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
LGC	17.3	16.1	-1.2	↓ -6.94%
HAX	7.4	6.9	-0.5	↓ -6.76%
BRC	11.0	10.3	-0.7	↓ -6.36%
HAS	6.4	6.0	-0.4	↓ -6.25%
VSI	6.6	6.2	-0.4	↓ -6.06%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
GGG	0.9	0.8	-0.1	↓ -11.11%
VNT	35.0	31.5	-3.5	↓ -10.00%
SDC	10.0	9.0	-1.0	↓ -10.00%
PIV	4.0	3.6	-0.4	↓ -10.00%
FDT	31.4	28.3	-3.1	↓ -9.87%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
FLC	13,333,840	9.4%	1,503	6.3	0.8
HQC	7,067,710	3.0%	320	20.9	0.6
ITA	5,606,040	0.7%	79	102.5	0.7
VHG	3,590,190	22.5%	2,595	2.7	0.6
HAG	3,566,860	9.2%	1,691	14.6	1.3

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
PVX	14,411,100	-188.8%	(5,604)	-	2.3
SCR	9,215,800	0.9%	137	59.2	0.5
KLS	6,535,600	7.1%	948	10.8	0.7
SHB	4,287,100	7.9%	912	9.7	0.7
SHS	4,081,600	9.4%	754	10.5	0.9

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
CCL	↑ 7.0%	0.6%	68	68.0	0.4
DIC	↑ 6.9%	5.7%	700	11.0	0.6
IDI	↑ 6.9%	6.7%	1,014	10.7	0.7
AVF	↑ 6.8%	0.9%	145	32.3	0.4
LCM	↑ 6.8%	1.9%	212	29.7	0.6

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SGH	↑ 100.0%	7.1%	916	-	7.6
NVC	↑ 16.7%	0.0%	(9,574)	(0.1)	-
BHC	↑ 10.0%	-463.0%	(3,001)	(0.4)	-
DCS	↑ 10.0%	1.2%	128	43.1	0.5
V15	↑ 10.0%	-73.2%	(6,066)	(0.4)	0.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
OGC	361,220	1.7%	185	58.0	1.0
DXG	206,980	15.3%	1,708	8.8	1.3
PVT	201,670	8.7%	1,039	12.5	1.1
SVC	200,000	6.0%	1,741	8.0	0.5
STB	186,060	13.5%	1,916	9.5	1.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VND	669,300	11.8%	1,450	10.1	1.1
KLS	644,000	7.1%	948	10.8	0.7
PVS	607,400	19.3%	3,403	7.5	1.3
HUT	78,000	1.6%	194	51.4	0.9
SHB	64,900	7.9%	912	9.7	0.7

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	170,550	33.4%	5,936	15.2	4.8
VNM	102,513	36.4%	7,667	16.0	5.5
MSN	67,612	2.2%	451	203.9	4.6
VCB	63,265	10.4%	1,901	14.4	1.4
VIC	59,467	47.0%	8,310	8.0	3.8

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	14,011	6.1%	839	18.3	1.1
PVS	11,436	19.3%	3,403	7.5	1.3
SQC	8,602	-2.4%	(295)	-	6.5
SHB	7,798	7.9%	912	9.7	0.7
OCH	5,040	6.3%	706	35.7	2.3

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
AVF	2.63	0.9%	145	32.3	0.4
GTT	2.61	0.2%	23	212.4	0.5
DLG	2.60	2.2%	257	29.1	0.6
HCM	2.53	15.4%	2,688	10.4	1.5
HBC	2.44	4.1%	841	18.4	0.8

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
S12	3.21	-5.6%	(720)	-	0.4
VIG	3.01	3.8%	248	18.5	0.7
HPC	2.81	6.8%	491	9.6	0.6
ORS	2.76	-83.9%	(4,851)	-	1.1
PVL	2.69	-5.7%	(557)	-	0.4



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm
Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết
Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

141-143 Hàm Nghi, P. Nguyễn
Thái Bình, Quận I
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà
Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)